

Quyền sao chép của người học: nhìn từ góc độ quyền sử dụng hợp lý

Lê Thị Yến¹, Nguyễn Thị Minh Hạnh¹, Vũ Văn Tuấn¹, Đỗ Thị Kim Hương¹

¹ Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
Email: yenluatkt25a@gmail.com, ntmhanh.hua@gmail.com
vvtuan@vnua.edu.vn, dtkhuong@vnua.edu.vn

Nhận ngày 22 tháng 1 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 1 tháng 3 năm 2019.

Tóm tắt: Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 trao quyền sao chép mà không phải xin phép, trả thù lao cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả để phục vụ mục đích nghiên cứu, giảng dạy của cá nhân (theo Điểm a, Khoản 1, Điều 25). Hiện điều khoản này được giải thích và áp dụng theo hướng quyền sao chép nêu trên chỉ được áp dụng đối với giáo viên, giảng viên, nhà nghiên cứu để thực hiện các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, không áp dụng đối với học sinh, sinh viên, do học tập không thuộc phạm vi “nghiên cứu, giảng dạy”. Bài viết dựa trên cơ sở lý thuyết về quyền tác giả, đặc biệt là quyền sử dụng hợp lý (fair use) để đề xuất quyền sao chép đã đề cập nên được trao cho người học để mở rộng tiếp cận với tri thức khoa học, nâng cao hiệu quả đào tạo, từ đó thúc đẩy sáng tạo từ phía các chủ thể này đối với kho tàng tri thức của xã hội. Tuy nhiên, các biện pháp kiểm soát vẫn phải được đặt ra để tránh tổn hại đến lợi ích của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

Từ khóa: Quyền tác giả, quyền sử dụng hợp lý, quyền sở hữu trí tuệ.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: Intellectual Property Law of 2005 provides the case of reproduction of copyrighted work for scientific research or teaching purpose where permission and payment of royalties are not required (according to Item a, Clause 1, Article 25). This provision has strictly been interpreted and implemented in the way that such right is only accorded to those carrying out research or teaching activities as researchers, teachers, lectures..., without being extended to students since learning does not fall within the scope of “research or teaching”. The paper bases on the theory of copyright, especially fair use, to propose that the mentioned right should be extended to learners with a view to facilitating their access to knowledge, enhancing training quality, thereby promoting their contribution to science and knowledge of the society as the whole. Nonetheless, preventive measures should also be adopted so as to avoid abuse of right that may infringe legitimate rights and interests of authors or copyright owners.

Keywords: Copyright, fair use, intellectual property rights.

Subject Classification: Jurisprudence

1. Đặt vấn đề

Quyền sao chép trong môi trường giáo dục đã được nhiều tác giả khai thác nên không còn là một đề tài mới. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình trạng sao chép thiếu kiểm soát xảy ra một cách phổ biến trong môi trường giáo dục, các bài viết đều tập trung làm rõ: quyền sao chép không phải xin phép và trả thù lao cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm theo Điểm a, Khoản 1, Điều 25 chỉ thuộc về giáo viên, giảng viên, các nhà nghiên cứu, không thuộc về học sinh, sinh viên. Đặc biệt, quan điểm này càng được nhấn mạnh sau vụ việc sinh viên Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh mang tài liệu photo vào trường xảy ra năm 2017. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này, trên cơ sở lý thuyết, phân tích ý nghĩa, mục tiêu quyền tác giả và nhìn từ góc độ quyền sử dụng hợp lý, chúng tôi đưa ra quan điểm ngược lại: quyền sao chép theo phạm vi Điểm a, Khoản 1, Điều 25 nên được mở rộng cho người học. Song song với sự mở rộng này, các biện pháp quản lý nên được thắt chặt để tránh sự lạm dụng quyền, xâm hại đến lợi ích chính đáng của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Lý thuyết chung về quyền tác giả và quyền sử dụng hợp lý

Theo Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (LSHTT), quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu (Khoản 1, Điều 4). Về cơ bản, pháp luật quyền tác giả chống lại sự xâm phạm bất hợp pháp từ bên thứ ba đối với tác phẩm được bảo hộ. Do đó, pháp luật trao cho tác giả hai nhóm quyền cơ bản: quyền nhân thân và quyền tài sản.

Quyền nhân thân luôn gắn liền với tác giả mà không được chuyển giao cho người khác, đó là quyền đặt tên tác phẩm, đứng tên tác phẩm, công bố tác phẩm và bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm (Điều 18, LSHTT). Quyền tài sản là nhóm quyền có thể làm phát sinh lợi ích kinh tế cho tác giả, bao gồm: làm tác phẩm phái sinh; biểu diễn tác phẩm trước công chúng; sao chép tác phẩm; phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm; truyền đạt tác phẩm đến công chúng; cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính (Điều 20, LSHTT). Trong đó, quyền sao chép tác phẩm được nhận định là quyền tài sản cơ bản và quan trọng nhất. Khác với quyền nhân thân, quyền tài sản có thể được chuyển giao cho người khác, có nghĩa là người khác có thể thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản nêu trên nếu được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép và phải trả tiền nhuận bút, thù lao và các lợi ích vật chất khác cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả (Khoản 3, Điều 20, LSHTT).

Trên phạm vi toàn cầu và trong mỗi quốc gia, quyền tác giả là phương tiện hữu hiệu để khuyến khích sáng tạo, thúc đẩy và truyền bá tri thức trong công chúng. Quyền tác giả bù đắp công sức, lao động trí tuệ của tác giả, tạo động lực để tác giả mang tác phẩm đến với công chúng và là nền tảng cho các sáng tạo mới trong xã hội trên cơ sở các tri thức đã có [10, tr.40]. Do sự sáng tạo của mỗi cá nhân và sự phổ biến tri thức là điều kiện tất yếu cho sự tiến bộ của mỗi quốc gia, quyền tác giả chính là thành tố quan trọng của quá trình phát triển [10, tr.41.] Tuy nhiên, theo công ước Berne bảo hộ các tác phẩm văn học nghệ thuật năm 1886 (sau đây gọi là công ước Berne) và pháp luật của các quốc gia trên thế giới, quyền tác giả không trao cho tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả sự độc quyền tuyệt đối đối với đứa con tinh thần của mình. Điều

này được giải thích trên nhiều góc độ khác nhau. *Thứ nhất*, nếu sự bảo hộ quyền tác giả được đẩy lên mức tuyệt đối, tác giả lợi dụng quyền này để độc quyền, tuyệt đối hóa lợi ích kinh tế của mình thì sẽ dẫn tới tình trạng hạn chế sự tiếp cận của công chúng đối với tác phẩm, từ đó sẽ làm phương hại đến mục tiêu truyền bá tri thức và kích thích sự sáng tạo mới từ phía công chúng [6, tr.1109]. *Thứ hai*, bản thân tác phẩm do tác giả sáng tạo ra cũng được hình thành, kế thừa từ tri thức đã có của công chúng hoặc của các tác giả khác, do vậy, tác phẩm không phải là một sản phẩm độc quyền của bản thân tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả [6, tr.1110]. *Thứ ba*, quy định này sẽ đảm bảo hài hòa lợi ích của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả và toàn xã hội, bởi mục đích cao nhất của quyền tác giả vẫn là để “thúc đẩy, phát triển và truyền bá văn hóa, tri thức” [3, tr.454]. Do vậy, quyền tác giả sẽ bị hạn chế ở một số khía cạnh nhất định, ví dụ như thời hạn bảo hộ đối với quyền tác giả không kéo dài vĩnh viễn mà chỉ giới hạn 50 năm sau ngày tác giả mất (điểm b, Khoản 2, Điều 27, LSHTT), sau khoảng thời gian này tác phẩm sẽ thuộc về công chúng. Tuy nhiên, hạn chế điển hình nhất vẫn là quyền sử dụng hợp lý của công chúng đối với tác phẩm mà không phụ thuộc vào ý chí của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

Quyền sử dụng hợp lý xuất hiện trong Công ước Berne và pháp luật của các quốc gia thành viên, cho phép các chủ thể khác được sao chép, trích dẫn tác phẩm phục vụ cho một số mục đích nhất định như phê bình, bình luận, giảng dạy, nghiên cứu... mà không phải xin phép hoặc trả thù lao cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả. Công ước Berne không quy định cụ thể, chỉ quy định mang tính chất khung về điều khoản này, theo đó: quyền sử dụng tác phẩm

không phải xin phép sẽ nằm trong “một số trường hợp đặc biệt” (do pháp luật quốc gia quy định), việc sử dụng không được ảnh hưởng đến khả năng khai thác bình thường tác phẩm, không được gây hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả (Điều 10.2 Công ước Berne). Tùy theo pháp luật của mỗi quốc gia, các “trường hợp đặc biệt” được quy định khác nhau. Theo Luật Sở hữu trí tuệ của Việt Nam, quyền sử dụng hợp lý được quy định trong một số “trường hợp đặc biệt” như: tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân; trích dẫn tác phẩm để bình luận, minh họa, viết báo, giảng dạy... sao chép để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu; biểu diễn tác phẩm không nhằm mục đích vật chất v.v. với điều kiện việc sử dụng tác phẩm không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm (Điều 25, LSHTT).

2.2. Quyền sao chép “hợp lý” trong môi trường giáo dục

Trong phạm vi bài viết này, nhóm tác giả không chú ý đi sâu phân tích tất cả các khía cạnh của quyền sử dụng hợp lý mà chỉ tập trung vào quyền sao chép “hợp lý” trong môi trường giáo dục. Theo Khoản 10, Điều 4 LSHTT, sao chép là “việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc lưu trữ thường xuyên hoặc tạm thời tác phẩm dưới hình thức điện tử”. Như đã đề cập, quyền sao chép là quyền tài sản cơ bản, quan trọng nhất của tác giả, các chủ thể khác muốn thực hiện quyền này phải xin phép tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả và phải trả

tiền nhuận bút, thù lao và các lợi ích vật chất khác (Khoản 3, Điều 20 LSHTT). Tuy nhiên, nếu chỉ sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu, giảng dạy của cá nhân (Điểm a, Khoản 1, Điều 25) thì hành vi sao chép này thuộc quyền sử dụng hợp lý, tức là không phải xin phép, trả thù lao cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

Áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, quyền sao chép “hợp lý” sẽ thuộc về giáo viên, giảng viên (người thực hiện hoạt động giảng dạy) với số lượng là một bản. Vậy nếu học sinh, sinh viên thực hiện hành vi sao chép, ví dụ photo sách giáo khoa, giáo trình, bài giảng... để phục vụ việc học tập của cá nhân thì hành vi đó có thuộc phạm vi quyền sử dụng hợp lý (theo Điểm a, Khoản 1, Điều 25, LSHTT) hay không? Trong bối cảnh giáo trình, bài giảng và các tài liệu học tập khác bị sao chép một cách “vô tội vạ”, được thực hiện bởi cả học sinh, sinh viên và các cơ sở photo, in ấn lậu, nhằm cả mục đích thương mại và phi thương mại như hiện nay, hầu hết các ý kiến, trong đó phần nhiều là ý kiến các luật gia, luật sư, giảng viên luật, đều cho rằng việc photo giáo trình, bài giảng của sinh viên là vi phạm quyền tác giả do hoạt động học tập của học sinh, sinh viên không thuộc phạm vi “giảng dạy, nghiên cứu” [2], [1]. Hơn nữa, nếu coi học tập cũng là một quá trình “nghiên cứu” thì việc học sinh, sinh viên photo giáo trình thay vì việc mua sách in vẫn là hành vi vi phạm quyền tác giả, bởi theo Khoản 2, Điều 25, LSHTT, rõ ràng việc sinh viên sử dụng sách photo sẽ gây phương hại đến lợi ích kinh tế của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả [1]. Chỉ một số ít ý kiến bảo vệ hành vi photo giáo trình của sinh viên vì lý do kinh tế [3], [8]. Như vậy, theo pháp luật Việt Nam, người học trong cơ sở giáo dục nói chung, sinh viên nói riêng không phải là đối tượng của quyền sử dụng hợp lý trong lĩnh vực sao chép tác phẩm.

3. Quyền sao chép “hợp lý” có nên mở rộng cho người học: đánh giá trên cơ sở lý thuyết về quyền sử dụng hợp lý

Vậy quyền sao chép của người học có nên bị cấm tuyệt đối hay không? Nếu cho phép thì ở phạm vi nào để tránh phương hại đến quyền tác giả? Trên cơ sở lý thuyết về quyền sử dụng hợp lý, nhóm tác giả xin được nêu quan điểm đồng tình, ủng hộ việc mở rộng quyền sao chép “hợp lý” cho người học, song phải đi liền với các biện pháp để tránh sự lạm dụng và xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

3.1. Quyền sao chép “hợp lý” nên được mở rộng cho người học

Có một xu hướng chung mà hầu hết các quốc gia trên thế giới áp dụng, đó là mở rộng quyền sử dụng hợp lý trong lĩnh vực giáo dục do tính chất của lĩnh vực giáo dục là phi lợi nhuận và là môi trường truyền bá tri thức, phát triển sáng tạo, phù hợp với mục tiêu mà pháp luật quyền tác giả hướng tới. Tuy Công ước Berne chỉ đề cập đến một trường hợp điển hình được áp dụng quyền sử dụng hợp lý là giảng dạy tại Điều 10.2, pháp luật nhiều quốc gia trên thế giới đã mở rộng phạm vi áp dụng tới cả hoạt động học tập. Có thể lấy ví dụ điển hình như Luật Quyền tác giả Trung Quốc tại Khoản 1, Điều 22, Luật liên bang về Quyền tác giả Mỹ tại Khoản 7 Điều 107, Luật Quyền tác giả Canada tại Điều 29, Luật Quyền tác giả và các quyền liên quan của Vương quốc Oman tại Điều 20, Luật Quyền tác giả Australia tại Điều 40, v.v.. Như vậy, không chỉ có giáo viên, giảng viên, nhà nghiên cứu được trao quyền sử dụng hợp lý mà học sinh, sinh viên cũng được sao chép tác phẩm mà không phải xin phép hay trả

thù lao để phục vụ cho mục đích học tập hoặc nghiên cứu của mình.

Việc trao quyền sử dụng hợp lý nói chung, quyền sao chép nói riêng đối với người học trong môi trường giáo dục được xem là một công cụ có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả giảng dạy, học tập, làm giảm một cách đáng kể chi phí cho toàn xã hội, và đặc biệt có ý nghĩa trong nền kinh tế tri thức [4, tr.634]. Đặc biệt, học sinh, sinh viên lại là đối tượng “công chúng” phổ biến nhất của các tài liệu học thuật, cũng là đối tượng có nhu cầu được phổ biến và tiếp cận tri thức lớn nhất, có tiềm năng sáng tạo dựa trên vốn tri thức tiếp cận được, nên việc mở rộng quyền này đối với người học sẽ phù hợp với mục tiêu cao nhất của quyền tác giả, cũng như mục tiêu cốt lõi của quyền sử dụng hợp lý là thúc đẩy, phát triển và truyền bá văn hóa, tri thức [5]. Hơn nữa, theo kết quả nghiên cứu của đề tài “Thực hiện quyền tác giả trong việc sử dụng giáo trình, bài giảng của sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam” được nhóm tác giả thực hiện (Đề tài khoa học cấp Học viện mã số T2018-09-66, thực hiện năm 2018), giảng viên, sinh viên được phỏng vấn đã nêu ra rất nhiều khó khăn, vướng mắc nếu người học không phải là chủ thể được thực hiện quyền sao chép theo Điểm a, Khoản 1, Điều 25 LSHTT. Thứ nhất, hoạt động học tập không chỉ là quá trình nghiên cứu lý thuyết, mà còn thể hiện sự sáng tạo của sinh viên thông qua seminar, bài tập nhóm, bài tập lớn, do đó đòi hỏi người học phải sưu tầm, kết hợp nhiều loại giáo trình, tài liệu tham khảo khác nhau. Hoạt động này sẽ dẫn đến chi phí khổng lồ đối với sinh viên nếu họ buộc phải mua tài liệu in mà không được quyền sao chép. Thứ hai, giảng viên có quyền sao chép để phục vụ giảng dạy, nhưng lại chỉ được sao chép một bản nên không tương xứng với quy mô lớp học, hạn chế hiệu quả giảng dạy. Thứ ba, có những

giáo trình được giảng viên sử dụng để phục vụ giảng dạy, nhưng đã quá cũ, không còn được xuất bản nữa, nên nếu hạn chế việc sao chép sẽ gây cản trở lớn cho việc học tập của sinh viên. Thứ tư, sinh viên cũng đặt ra câu hỏi: không biết tác giả ở đâu mà xin phép, vì Hiệp hội quyền sao chép Việt Nam (VIETRRO) có làm cầu nối giữa tác giả và người sử dụng tác phẩm, nhưng không phải tất cả các tác giả đều giao kết hợp đồng ủy quyền với Hiệp hội quyền sao chép để thực hiện việc cấp phép cho các đối tượng muốn tiếp cận [2, tr.32].

Có thể nói, nếu phạm vi quyền sao chép theo Điểm a, Khoản 1, Điều 25, LSHTT được đặt ra quá hẹp như hiện nay, tuy người có lợi sẽ là tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, nhưng người chịu “thiệt thòi” sẽ là toàn xã hội nói chung vì chi phí cho hoạt động đào tạo sẽ gia tăng, hiệu quả đào tạo giảm sút, quyền tiếp cận tri thức của người học bị ảnh hưởng và khả năng sáng tạo, cống hiến cho tri thức chung sẽ bị hạn chế. Do vậy, ngoài phạm vi “giảng dạy, nghiên cứu” như quy định hiện hành, pháp luật nên mở rộng quyền sao chép trong lĩnh vực học tập như kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới.

3.2. Không xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả

Như đã đề cập, quyền sử dụng hợp lý phải tuân thủ theo nguyên tắc chung là không được gây ảnh hưởng đến sự khai thác bình thường tác phẩm và không được phương hại đến lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả. Mặc dù mục tiêu cao nhất của quyền tác giả là thúc đẩy, phát triển và truyền bá văn hóa và tri thức, lợi ích của xã hội vẫn phải được đặt trong mối tương quan với quyền lợi của tác giả, vì rốt cục tác giả vẫn là người đưa tác phẩm đến với công chúng, nên thù lao mà tác giả

được hưởng sẽ khuyến khích, thúc đẩy sáng tạo từ phía tác giả, qua đó đóng góp cho sự phát triển khoa học, nghệ thuật nói chung [3, tr.454]. Nếu quyền sử dụng hợp lý bị lợi dụng để xâm hại đến quyền lợi chính đáng của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, sự tương quan nói trên không còn được đảm bảo, tác giả không còn động lực để sáng tạo, do đó mục tiêu cốt lõi của quyền sử dụng hợp lý cũng không đạt được. Chính vì lý do này, quyền sử dụng hợp lý luôn phải đi liền với các biện pháp để tránh sự xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

Quay trở lại quyền sao chép trong môi trường giáo dục, nếu mở rộng quyền này cho người học, các biện pháp về mặt pháp lý cần được quy định một cách chặt chẽ để tránh tình trạng vi phạm quyền tác giả xảy ra tràn lan như hiện nay. Trong cuộc điều tra được nhóm tác giả thực hiện trong khuôn khổ đề tài cấp trường đã nêu tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam, sinh viên thuộc mẫu điều tra sử dụng trung bình 72% số lượng giáo trình là giáo trình photo - lý do sinh viên đưa ra hầu hết là vì rẻ hoặc tiện. Bên cạnh đó, hành vi vi phạm lại được tiếp tay bởi các cửa hàng photo, vì họ cho rằng “photo theo yêu cầu của sinh viên là không vi phạm, chỉ thực hiện việc photo hàng loạt nhằm mục đích thương mại mới là vi phạm”, hoặc thậm chí bởi chính các giảng viên phụ trách môn học do “thương sinh viên” và phần lớn hiểu lầm rằng “sao chép nhằm mục đích học tập là hành vi hợp pháp”. Như vậy, trong trường hợp này, hành vi sao chép của sinh viên rõ ràng đi ngược lại với lý thuyết về quyền sử dụng hợp lý vì photo cả cuốn tài liệu thay vì việc mua sách in sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích kinh tế của tác giả.

Vậy để tránh phương hại đến lợi ích của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, cần phải có những biện pháp nào để kiểm soát? Kinh

nghiệm trên thế giới đã cho thấy rất nhiều biện pháp khác nhau được áp dụng nhằm một mặt đảm bảo quyền sử dụng hợp lý của công chúng, nhưng mặt khác vẫn đảm bảo quyền tác giả không bị xâm hại.

Thứ nhất, chỉ cho phép sao chép một phần nhất định của tác phẩm. “Một phần” có thể được ấn định bằng một tỷ lệ nhất định, hoặc có thể được đánh giá qua từng trường hợp cụ thể. Chẳng hạn, theo Luật Quyền tác giả của Australia, tại Khoản 5, Điều 40 có quy định tỷ lệ là 10% số trang (đối với bản in) hoặc số từ (đối với bản điện tử) hoặc một chương nếu ấn phẩm chia thành các chương. Hoặc cũng có thể đánh giá qua từng trường hợp dựa trên các tiêu chí được pháp luật đưa ra, ví dụ Luật Quyền tác giả Hoa Kỳ, tại Điều 107, số lượng và tỷ lệ của tác phẩm sao chép được xem xét kết hợp cùng với 3 tiêu chí khác, đó là: mục đích và tính chất của việc sử dụng (thương mại hay phi thương mại); tính chất của tác phẩm được sao chép; ảnh hưởng của việc sao chép đến thị trường tiềm năng và giá trị của tác phẩm được sao chép. Đối chiếu với pháp luật Việt Nam, quy định cho phép sao chép “một bản” rõ ràng sẽ tạo cơ chế khuyến khích sử dụng bản photo hơn là tác phẩm gốc, gây thiệt hại vật chất cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả. Do vậy, giới hạn của quyền sao chép nên được quy định như kinh nghiệm của các quốc gia nêu trên.

Thứ hai, chỉ được phép sao chép nếu không có các phương án thay thế. Hướng tiếp cận này được thể hiện trong quá trình thực thi quyền tác giả tại nhiều quốc gia trên thế giới. Cụ thể, tại Canada - quốc gia theo truyền thống luật án lệ, Tòa án tối cao Canada, tại vụ án CCH Canadian Ltd v. Law Society of Upper Canada (2004) đã ra kết luận: nếu tài liệu bản quyền đã có sẵn đối với người muốn tiếp cận (qua hệ thống thư viện hoặc có sẵn trên thị trường...) thì

hành vi sao chép không thuộc phạm vi của quyền sử dụng hợp lý, hoặc nếu không cần sao chép mà vẫn thực hiện được mục đích như mong muốn của người tiếp cận (ví dụ để bình luận, minh họa...) thì hành vi sao chép vẫn bị coi là vi phạm [5, tr.446]. Hoặc tại Hoa Kỳ, trong Hướng dẫn về quyền sao chép trong phạm vi lớp học áp dụng đối với cơ sở giáo dục phi lợi nhuận năm 1976, hành vi sao chép chỉ được thực hiện nếu đó không phải là phương án thay thế cho việc mua sách in hoặc các tạp chí xuất bản định kỳ (Điểm C, Mục III) [9, tr.8]. Trong bối cảnh người học thường tìm đến sách photo như một phương án thay thế cho sách in nhằm “tiết kiệm chi phí”, hướng tiếp cận nêu trên có thể là một gợi ý cho quá trình sửa đổi luật của Việt Nam nhằm tránh tình trạng vi phạm quyền tác giả.

Thứ ba, đánh thuế đối với hoạt động photo. Tuy biện pháp này chưa được áp dụng tại Việt Nam, nhưng trên thế giới đã được nhiều quốc gia áp dụng. Theo nghiên cứu năm 2014 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) và Liên Hợp Quốc các tổ chức quyền sao chép (IFRRO), hiện có 29 quốc gia trên thế giới áp dụng đánh thuế đối với hoạt động sao chép [11]. Đây thực chất là phí bản quyền đối với hoạt động sao chép, áp dụng đối với nhà sản xuất, nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ việc sao chép như máy photo, máy scan... và người thực hiện cung cấp dịch vụ như chủ cửa hàng photo... tuy nhiên người chi trả cuối cùng vẫn là khách hàng - người mong muốn thực hiện hành vi sao chép. Khoản thuế thu được sẽ được phân phối lại cho các tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các tổ chức đại diện quyền tác giả. Đây có thể là hướng đi phù hợp với Việt Nam để người tiếp cận tác phẩm nói chung, người học nói riêng có trách nhiệm hơn đối với việc sao chép tác phẩm, không sao chép chỉ nhằm mục đích

“thuận tiện” hoặc “giảm chi phí” mua tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả.

Thứ tư, xã hội hóa quyền sao chép. Trên thế giới, đây là mô hình khá phổ biến để thực hiện việc cấp phép sao chép (có trả phí bản quyền) thông qua các tổ chức đại diện quyền tác giả. Theo đó, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả có thể ủy quyền cho các tổ chức này để cấp quyền sao chép cho các đối tượng có nhu cầu tiếp cận tác phẩm, tiền phí bản quyền sẽ được thu và phân phối lại cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả. Như đã đề cập, mô hình này đã xuất hiện ở Việt Nam thông qua VIETRRO. Với mô hình này, mỗi năm, học sinh, sinh viên chỉ phải trả một khoản chi phí nhỏ để có thể sao chép một số lượng lớn tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả. Tuy nhiên, mức độ xã hội hóa hoạt động này tại Việt Nam chưa thực sự cao nên chưa đáp ứng hết nhu cầu của người học nói riêng, công chúng tiếp cận tác phẩm nói chung [2, tr.32]. Do vậy, trong tương lai, việc tham khảo các mô hình tiên tiến trên thế giới là thực sự cần thiết để đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động này, một mặt nhằm mở rộng quyền tiếp cận của công chúng nói chung, người học nói riêng đối với tác phẩm, mặt khác nhằm hạn chế tình trạng sao chép không thể kiểm soát như hiện nay.

4. Kết luận

“Khi một độc giả bình thường quyết định từ bỏ việc sử dụng tác phẩm do phí bản quyền quá cao, chỉ cá nhân đó là người chịu thua thiệt. Nhưng khi một học giả từ bỏ việc sử dụng tác phẩm... xã hội sẽ mất đi sự đóng góp của anh ta cho tri thức” [4, tr.617]. Câu nói của thẩm phán Blackmun, Tòa án Tối cao liên bang Mỹ trong vụ án Sony Corp. of Am. V. Universal City Studios, Inc., năm 1984 một lần nữa cho thấy mối tương quan

giữa quyền tác giả và lợi ích của toàn xã hội. Tuy học sinh, sinh viên chưa thể được coi là “học giả”, song tiềm năng đóng góp của họ vào kho tàng tri thức của xã hội là không thể phủ nhận. Do vậy, quan điểm của nhóm tác giả được thể hiện xuyên suốt trong bài viết là nên trao cho người học quyền sao chép mà không phải xin phép, trả thù lao cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả để phục vụ mục đích học tập của cá nhân. Điều này cũng phù hợp với xu hướng tiến bộ trên thế giới.

Đồng thời, nhóm tác giả cũng nêu quan điểm ủng hộ siết chặt quản lý để tránh tình trạng quyền sao chép trên bị lạm dụng làm phát sinh các hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả. Theo đó, pháp luật quyền tác giả tại Việt Nam nên được sửa đổi, bổ sung theo hướng kiểm soát phạm vi sao chép (một phần tác phẩm), tính chất, sự cần thiết của hành vi sao chép (hành vi sao chép cần thiết hay không hay chỉ để phục vụ mục đích thay thế mua tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả); mặt khác có thể đánh thuế hoạt động photo và đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động sao chép theo kinh nghiệm của các quốc gia đi trước.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Thị Nam Giang, Nguyễn Ngọc Lâm, Nguyễn Thị Bích Ngọc (2007), “Về quyền photocopy tác phẩm trong môi trường giáo dục”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 2.
- [2] Đặng Công Tráng, Lâm Thành Sơn (2017), “Hoạt động sao chụp tác phẩm của tác giả trong hệ thống giáo dục - thực trạng và một số kiến nghị”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Trà Vinh, số 25.
- [3] Ben Depoorter, Francesco Parisi (2002), “Fair Use and Copyright Protection: a Price Theory explanation”, *International Review of Law and Economics*, Vol. 21.
- [4] Carol M. Silberberg (2001), “Preserving Educational Fair Use in the Twenty First Century”, *Southern California Law Review*, Vol. 74.
- [5] Muhammad Masum Billah, Saleh Albarashdi (2018), “Fair or Free Use of Copyrighted Materials in Education and Research and the Limit of Such Use”, *Chicago-Kent Journal of Intellectual Property*, Vol. 17.
- [6] Pierre N. Leval (1990), “Toward a Fair Use Standard”, *Harvard Law Review*, Vol. 103.
- [7] <http://vietnamnet.vn/vn/tuanvietnam/tieudiem/phan-nu-sinh-photo-giao-trinh-va-chuyen-luat-phap-thong-thai-356609.html> (truy cập lần cuối vào ngày 2/11/2018)
- [8] <http://infonet.vn/gs-nguyen-minh-thuyet-ky-luat-sinh-vien-mang-giao-trinh-photo-la-thieu-can-cu-post221118.info> (truy cập lần cuối vào ngày 2/11/2018)
- [9] http://www.sfasu.edu/policies/9.2_reproduction-of-copyrighted-works-by-educators-and-librarians.pdf (last visited on October 2, 2018)
- [10] http://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/intproperty/489/wipo_pub_489.pdf (last visited on October 2, 2018)
- [11] http://www.ifrro.org/sites/default/files/wipo_ifrro_pub_1042_2017.pdf (last visited on October 2, 2018)